



wàng jì

忘记

Verb · forget

Example Sentences

nǐ wàng jì jīn tiān xià wǔ yǒu hàn yǔ kè le ma
你忘记今天下午有汉语课了吗？

Did you forget that there is a Chinese class
this afternoon?

tā jīng cháng wàng jì guān dēng
他经常忘记关灯。

He often forgets to turn off the lights.

wǒ men bù yīng gāi wàng jì nà xiē bāng zhù guò wǒ men de rén
我们不应该忘记那些帮助过我们的人。

We should not forget those who have helped
us.

Trace each character, then write the word on your own.

忘	忘	忘	忘	忘	忘	忘	忘	忘	忘
记	记	记	记	记	记	记	记	记	记